TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- T Hnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Út.
Ông Huỳnh Văn Thanh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 547/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Anh Phùng Huế T, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị và anh Phùng Huế T tổ chức lễ cưới vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, anhT thường xuyên tụ tập bạn bè để ăn chơi uống rượu qua đêm không về nhà, rất ít quan tâm đến vợ con. Từ đó dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Vì không muốn hạnh phúc đổ vỡ, trong thời gian qua chị đã khuyên chồng nên sửa đổi tính tình, đừng ăn chơi nữa mà phải cùng chị lo làm kiếm tiền nuôi con nhưng anh T ngày càng ăn chơi nhiều hơn, bỏ mặc cuộc sống gia đình cho chị lo nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và vợ chồng đã tự sống ly thân với nhau hai năm nay. Nhận thấy không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị ly hôn với anhT.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phùng Duy K, sinh ngày 22/8/2014 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu anhT cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

- Về tài sản - nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phùng Huế T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H khởi kiện ly hôn bị đơn anh Phùng Huế T, anhT có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Phùng Huế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị Thu H và anh Phùng Huế T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 vào ngày 17/3/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng Hn gắng đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị H trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, anhT thường xuyên tụ tập bạn bè để ăn chơi uống rượu qua đêm không về n H, rất ít quan tâm đến vợ con. Từ đó dẫn đến việc vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Vì không muốn hạnh phúc đổ vỡ, trong thời gian qua chị đã khuyên chồng nên sửa đổi tính tình, đừng ăn chơi nữa mà phải cùng chị lo làm kiếm tiền nuôi con nhưng anhT ngày càng ăn chơi nhiều hơn, bỏ mặc cuộc sống gia đình cho chị lo nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và vợ chồng đã tự sống ly thân với nhau hai năm nay. Riêng đối với anh Phùng Huế T, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị H ly hôn anh vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị H nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H với anhT thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị H được ly hôn với anhT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Thu H trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phùng Duy K, sinh ngày 22/8/2014. Ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi chị H và anhT

sống ly thân thì cháu K do chị H nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, sức khỏe tốt, chị H cũng có thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về thể chất, sự phát triển về tinh thần, cũng như các quyền lợi khác của con chung nên tiếp tục giao cháu Phùng Duy K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Trần Thị Thu H yêu cầu anhT cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Phùng Huế T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu để cháu Phùng Duy K được phát triển bình thường cần buộc anhT phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phùng Duy K mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thu H trình bày không có, còn anh Phùng Huế T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Phùng Huế T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H. Cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Phùng Huế T.

2. Về con: Giao con chung tên Phùng Duy K, sinh ngày 22/8/2014 cho chị Trần Thị Thu H nuôi dưỡng. Buộc anh Phùng Huế T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phùng Duy K mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phùng Duy K đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Phùng Huế T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án cho đến khi thi Hnh án xong các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006120 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi Hnh xong.

Anh Phùng Huế T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi Hnh án dân sự. Thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã L, huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni